TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 02 năm 2022

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Gia Khải

2. Ông Phạm Văn Diễn

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXX-ST ngày 14/01/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đắc V, sinh năm 1974

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1977

Đều cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Anh V có mặt, chị G vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn anh Nguyễn Đắc V có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đắc V kết hôn với chị Nguyễn Thị G trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 28/7/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 5/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị G đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5/2018 đến nay, vợ chồng ly thân từ đó. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Anh V đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị G.

Về con chung: Anh V trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Tú A, sinh ngày 11/10/1998 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 29/5/2007. Ly hôn anh đề nghị con Anh đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh xin nuôi con Nhài và không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị G vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Thị N sinh ngày 29/5/2007 thể hiện: Cháu Nguyễn Thị N sinh ngày 29/5/2007 là con đẻ của bố Nguyễn Đắc V và mẹ Nguyễn Thị G. Từ khi Anh V, chị G ly thân thì cháu ở cùng Anh V. Hiện cháu N đang học lớp 9B, trường Tiểu học và trung học cơ sở xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Nay Anh V, chị G ly hôn thì cháu N có nguyện vọng ở với Anh V.

- Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Văn Đ (là bố đẻ chị G); địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Anh Nguyễn Đắc V và chị Nguyễn Thị G là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q vào ngày 28/7/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng Anh V, chị G sống tại thôn H, xã Q. Quá trình chung sống vợ chồng Anh V, chị G có phát sinh mâu thuẫn, chị G đã về nhà ông sinh sống từ năm 2018 đến nay. Nay Anh V có đơn xin ly hôn thì ông Đông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh, chị. Về con chung: Anh V và chị G có 02 con chung là Nguyễn Thị Tú A, sinh ngày 11/10/1998 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 29/5/2007, ly hôn ông đề nghị giao cháu N cho Anh V nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Ông không có ý kiến gì.

Chị G vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn H, xã Q, huyện Quỳnh Phụ. Hiện nay chị G làm nghề lao động tự do, chị G thường xuyên về nhà và liên lạc với gia đình ông. Gia đình ông đã nhận được các văn bản, quyết định tố tụng của Tòa án giao cho chị G và thông báo cho chị G biết. Quan điểm của chị G về việc Anh V xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Tú A, sinh ngày 11/10/1998 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 29/5/2007, ly hôn chị G đề nghị giao con N cho Anh V nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn H, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Anh Nguyễn Đắc V và chị Nguyễn Thị G là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q vào ngày 28/7/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã Q

và lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng Anh V, chị G có mâu thuẫn. Nay Anh V có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật giải quyết cho Anh V ly hôn chị G vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Về con chung: Anh V và chị G có 02 con chung là Nguyễn Thị Tú A sinh ngày 11/10/1998 và Nguyễn Thị N sinh ngày 29/5/2007 đề nghị giao cháu N cho Anh V nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa anh Nguyễn Đắc V và chị Nguyễn Thị G là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Q, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện không có mặt tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, không cung cấp cho nguyên đơn biết địa chỉ hiện nay ở đâu là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa… cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Anh V, chị G được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 28/7/1997 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ

tháng 5/2018 đến nay, không hỏi han, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Anh V đề nghị ly hôn nhưng chị G không trực tiếp đến trình bày quan điểm với Tòa án. Điều này chứng tỏ chị G không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh V, chị G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh V, xử cho anh được ly hôn chị G là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Đắc V và chị Nguyễn Thị G có 02 con chung là Nguyễn Thị Tú A, sinh ngày 11/10/1998 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 29/5/2007. Ly hôn Anh V đề nghị con Anh đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh xin nuôi con Nhài và không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu N cũng có nguyện vọng ở cùng Anh V. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của Anh V là chính đáng. Kể từ khi vợ chồng ly thân, một mình Anh V nuôi dưỡng, chăm sóc con chung phát triển bình thường. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao con chung Nguyễn Thị N cho Anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V không yêu cầu chị G phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Chị G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Đắc V không yêu cầu giải quyết, chị Nguyễn Thị G không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đắc V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đắc V được ly hôn chị Nguyễn Thị G.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Đắc V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị N, sinh ngày 29/5/2007 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh V không yêu cầu chị G phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Chị G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đắc V phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* Anh V đã nộp theo Biên lai thu số 0004542 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đắc V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Quốc Doanh